

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HSST

Ngày: 13 - 02 - 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thúy Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Ông Lò Văn Hoan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn D**; Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 30/01/1991, tại tỉnh Đ;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn H (Đã chết); Con bà: Vì Thị M; Vợ: Quàng Thị H (Đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015, Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 29/3/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 23/5/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/9/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 20/02/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án, nên đương

nhien được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/10/2024, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lò Văn N**; Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 13/7/2003, tại tỉnh Đ;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã M, huyện A, tỉnh Đ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn M (Đã chết); Con bà: Lò Thị H; Vợ, con: Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 07/11/2022, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 26/01/2024 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/10/2024, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/10/2024, khi đang ở lán công trường Bệnh viện đa khoa Cuộc sống Đ, tại khu vực tổ dân phố 12, phường Mường Thanh, thành phố B, tỉnh Đ, D rủ N đi tìm mua ma túy về để cùng nhau sử dụng, N đồng ý. Cả hai đi bộ ra đường rồi đi xe taxi đến khu vực bản Xôm, xã Thanh An, huyện Đ. D và N thống nhất, dùng 600.000 đồng của D để mua Heroine và 200.000 đồng của N để trả tiền taxi, tổng số tiền mua ma túy và tiền taxi sẽ chia đôi. Đến đầu bản, N ở trong xe taxi chờ, D một mình đi bộ vào trong bản gặp và mua được của một người đàn ông không quen biết 03 gói ma túy, đều được gói ngoài bằng mảnh nilon màu hồng, trong là các cục chất bột màu trắng đục, với giá 600.000 đồng. Sau đó D quay lại xe taxi và nói với N đã mua được ma túy, rồi cả hai bị cáo cùng nhau quay về công trường Bệnh viện đa khoa Cuộc sống Đ. Hồi 21 giờ cùng ngày, khi cả hai đang đi bộ tại tổ dân phố 12, phường Mường Thanh, thành phố B thì bị tổ công tác Công an thành phố B phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Các bị cáo đều khai nhận vật chứng bị thu giữ là ma túy, loại Heroine, các bị cáo mua về với mục đích để bản thân sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 01 giờ 20 phút, ngày 02/10/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số: 1548/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Các cục chất bột màu trắng gửi giám định thu giữ của bị cáo Lò Văn D là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,43 gam.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-TPĐBP ngày 15/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn N về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 20 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,33 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 03 mảnh nilon màu hồng; Bị cáo Lò Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lò Văn N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn N không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Hồi 21 giờ ngày 01/10/2024, tại tổ dân phố 12, phường Mường Thanh, thành phố B, tỉnh Đ, Lò Văn D và Lò Văn N đã có hành vi cất giấu trái phép 0,43 gam Heroine, mục đích để cùng nhau sử dụng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 21 giờ 30 phút ngày 01/10/2024, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 01 giờ 20 phút, ngày 02/10/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số 1548/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của các bị cáo Lò Văn D, Lò Văn N là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, Lò Văn D, Lò Văn N phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo

quy định tại Điều 52/BLHS. Đối với bị cáo Lò Văn D: Ngày 29/3/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bản án này bị cáo chưa được xoá án tích, lại tiếp tục phạm tội, bị cáo Lò Văn N: Ngày 07/11/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bản án này bị cáo chưa được xoá án tích, lại tiếp tục phạm tội, nên cả bị cáo D và bị cáo N đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Về nhân thân: Bị cáo Lò Văn D là người có nhân thân xấu: Ngày 09/9/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 24 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 20/02/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án, nên đương nhiên được xoá án tích.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để các bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo D và N khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò trách nhiệm cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức. Bị cáo D là người khởi sự và là người trực tiếp đi mua ma túy, nên là người có vai trò chính. Bị cáo N góp tiền cùng bị cáo D mua ma túy về sử dụng chung, nên có vai trò tích cực. Do vậy, cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng ma túy là 0,43 gam Heroine.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Lò Văn D và Lò Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của

các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo D, người lái taxi chở các bị cáo đi mua ma túy, các bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của những người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: Đối với 0,33 gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cầm tàng trữ, 03 mảnh nilon màu hồng, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lò Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Lò Văn N là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Lò Văn D 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 02/10/2024).
- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 02/10/2024).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 0,33gam Heroine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 03 mảnh nilon màu hồng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2025 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh D*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo Lò Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo Lò Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/02/2025).

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Đội HSNV Công an TPĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THA TPĐBP;
- TAND tỉnh Đ;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Thúy Thành**

